

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 26

11/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

KHAI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400347937 cấp lần đầu ngày 17/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 09/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có 06 chi nhánh đang hoạt động:

Tên chi nhánh	Địa điểm
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco	Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco tại Hà Nội	Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco tại thành phố Quảng Ngãi – Tỉnh Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco tại thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco tại Vinh	Thành phố Vinh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco tại thành phố Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 26.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Vũ Tuấn Bình	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày	15/03/2017
Ông Dương Thanh Hiền	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày	15/03/2017
Ông Trần Viết Hạ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày	16/05/2014
Bà Nguyễn Lê Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày	15/03/2017
Bà Vũ Thu Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày	15/03/2017
Ông Nguyễn Văn Hội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày	16/05/2014
Ông Hoàng Nguyễn Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày	15/03/2017
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày	15/03/2017

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Trần Viết Hạ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày	17/05/2014
Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày	04/04/2017
Ông Hoàng Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày	17/05/2014
Ông Nguyễn Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày	10/07/2015
Bà Trương Thị Phú	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày	20/11/2017
Ông Trương Đình Bảy	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày	27/03/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày	15/03/2017
Ông Trần Đình Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày	16/05/2014
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày	16/05/2014
Ông Phạm Văn Đông	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày	15/03/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



11/03/2018



Số: 368 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30/03/2018, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 30/03/2017 đưa ra ý kiến ngoại trừ không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho tại các Chi nhánh của Công ty.



NGÔ QUANG TIẾN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0448-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

TÔNG THỊ BÍCH LAN

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 0060-2018-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		123.498.586.752	103.037.309.010
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.735.759.389	15.592.168.113
1. Tiền	111		10.735.759.389	15.592.168.113
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.924.866.550	21.494.783.373
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	33.497.530.759	29.033.509.726
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	703.121.045	1.515.221.859
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	1.786.898.694	2.184.383.259
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(11.119.039.848)	(11.294.687.371)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		56.355.900	56.355.900
IV. Hàng tồn kho	140		85.739.590.037	63.171.026.815
1. Hàng tồn kho	141	V.6	85.739.590.037	63.171.026.815
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.098.370.776	2.779.330.709
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.097.370.776	2.770.803.475
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.812.583
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	1.000.000	4.714.651
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.392.529.769	32.807.999.371
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		292.815.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	292.815.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.322.873.867	28.798.777.772
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	38.138.486.367	28.798.777.772
<i>Nguyên giá</i>	222		239.295.543.957	222.159.030.991
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(201.157.057.590)	(193.360.253.219)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	184.387.500	-
<i>Nguyên giá</i>	228		2.410.105.266	2.208.955.266
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.225.717.766)	(2.208.955.266)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		68.718.768	458.182.418
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	68.718.768	458.182.418
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.708.122.134	3.551.039.181
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	5.708.122.134	3.551.039.181
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167.891.116.521	135.845.308.381

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		105.361.546.329	73.788.039.130
I. Nợ ngắn hạn	310		99.559.209.979	70.843.687.410
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	14.324.781.873	5.923.726.040
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	201.407.688	84.996.314
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	1.974.319.896	3.544.617.237
4. Phải trả người lao động	314		4.624.591.016	5.406.050.753
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	463.099.799	246.675.143
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15a	1.325.342.258	1.283.965.233
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	76.603.312.069	54.269.301.310
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	42.355.380	84.355.380
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.802.336.350	2.944.351.720
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	171.000.000	126.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	5.631.336.350	2.818.351.720
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

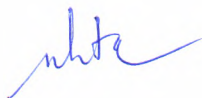
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.529.570.192	62.057.269.251
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	62.529.570.192	62.057.269.251
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		65.000.000.000	65.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		105.855.380	105.855.380
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.576.285.188)	(3.048.586.129)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	421a		(3.048.586.129)	(5.629.848.249)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		472.300.941	2.581.262.120
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		167.891.116.521	135.845.308.381

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Lập biểu



Võ Thị Minh Tâm

Kế toán trưởng



Trương Thị Phú

Tổng Giám đốc



Trần Viết Hạ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

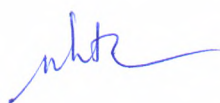
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	210.449.362.835	226.812.245.852
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	80.021.997	606.610.032
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		210.369.340.838	226.205.635.820
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	165.211.159.693	178.421.413.768
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.158.181.145	47.784.222.052
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	17.721.267	51.939.485
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5.883.984.285	4.395.633.259
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.836.989.624	4.386.096.919
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	24.145.624.278	24.360.749.534
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	14.042.904.126	11.259.551.718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.103.389.723	7.820.227.026
11. Thu nhập khác	31	VI.8	-	33.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.9	93.961.971	2.937.047.343
13. Lợi nhuận khác	40		(93.961.971)	(2.904.047.343)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.009.427.752	4.916.179.683
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp liên hành	51	VI.10	537.126.811	2.334.917.563
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>472.300.941</u>	<u>2.581.262.120</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	73	397
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	73	397

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Võ Thị Minh Tâm

Trương Thị Phú

Trần Viết Hạ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.009.427.752	4.916.179.683
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.813.566.871	7.232.722.314
- Các khoản dự phòng	03	(175.647.523)	(974.624.905)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	182.302	4.749.745
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.721.267)	544.883.893
- Chi phí lãi vay	06	5.836.989.624	4.386.096.919
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.466.797.759	16.110.007.649
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.539.723.420)	6.889.713.869
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(28.271.388.343)	(12.334.062.196)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	8.189.027.486	(5.050.373.738)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.483.650.254)	(1.740.118.971)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.804.434.548)	(4.367.768.469)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.334.917.563)	(768.917.565)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	45.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(42.000.000)	(21.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.775.288.883)	(1.283.019.421)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.245.374.195)	(9.521.680.241)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	430.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.721.267	25.116.107
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.227.652.928)	(9.066.564.134)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		170.242.394.410		163.405.892.599
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(145.095.399.021)		(160.158.857.565)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(280.000)		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u>25.146.715.389</u>		<u>3.247.035.034</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<u>(4.856.226.422)</u>		<u>(7.102.548.521)</u>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<u>15.592.168.113</u>		<u>22.695.721.611</u>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<u>(182.302)</u>		<u>(1.004.977)</u>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<u><u>10.735.759.389</u></u>		<u><u>15.592.168.113</u></u>

Lập biểu

Võ Thị Minh Tâm

Kế toán trưởng

Trương Thị Phú

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Trần Việt Hạ

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400347937 cấp lần đầu ngày 17/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 09/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, buro điện, sân bay bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị Khu công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Lắp đặt máy móc thiết bị; kết cấu phục vụ công trình xây dựng;
- Kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Khai thác, chế biến khoáng sản phục vụ cho xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Đầu tư phát triển kỹ thuật hạ tầng đô thị, Khu công nghiệp, kinh doanh phát triển nhà, san ủi cải tạo mặt bằng. Khai hoang phục hóa đồng ruộng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các văn bản sửa đổi. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Tài sản cố định hữu hình

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 21 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

Tài sản cố định vô hình

- Phần mềm máy tính	05 năm
- Thương hiệu Cosevco	10 năm

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH, TSCĐVH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản vật tư phụ tùng xuất dùng có giá trị lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, chi phí xuất hàng mẫu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; Các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất chắc chắn xảy ra theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.099.248.582	5.468.702.060
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.636.510.807	10.123.466.053
Cộng	<u>10.735.759.389</u>	<u>15.592.168.113</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nhất Hướng	1.694.292.190	785.770.755
Công ty Cổ phần Xây dựng Cosevco 72	1.455.841.860	1.455.841.860
Công ty TNHH Trang trí nội thất Hoài Thu	1.083.221.206	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Trang trí nội thất	902.676.838	902.676.838
Công ty Cổ phần Xây dựng 71	835.347.340	835.347.340
Phải thu các khách hàng khác	27.526.151.325	25.053.872.933
Cộng	<u>33.497.530.759</u>	<u>29.033.509.726</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sacmi Singapore Pte Co.,Ltd	382.947.476	109.333.376
Foshan Sky Planet Imp & Exp Co.,Ltd	-	822.831.035
Công ty Cổ phần Gốm sứ & xây dựng Cosevco	-	200.000.000
Các đối tượng khác	320.173.569	383.057.448
Cộng	<u>703.121.045</u>	<u>1.515.221.859</u>

4. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.009.032.292	-	1.144.254.631	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	292.815.000	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	12.184.353	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	765.682.049	-	747.313.628	-
Cộng	<u>1.786.898.694</u>	<u>-</u>	<u>2.184.383.259</u>	<u>-</u>

4b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ dài hạn	292.815.000	-	-	-
Cộng	<u>292.815.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Cosevco 72	Trên 3 năm	1.455.841.860	-	Trên 3 năm	1.455.841.860	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Trang trí nội Thất	Trên 3 năm	902.676.838	-	Trên 3 năm	902.676.838	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 71	Trên 3 năm	835.347.340	-	Trên 3 năm	835.347.340	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng	Trên 3 năm	558.647.298	-	Trên 3 năm	558.647.298	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 79	Trên 3 năm	493.371.211	-	Trên 3 năm	493.371.211	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hà Nội	Trên 3 năm	359.909.637	-	Trên 3 năm	359.909.637	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Nhôm Cosevco	Trên 3 năm	265.126.734	-	Trên 3 năm	265.126.734	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	6.397.865.761	149.746.831	Trên 3 năm	6.512.091.007	88.324.554
Cộng		11.268.786.679	149.746.831		11.383.011.925	88.324.554

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối năm
Số đầu năm	11.294.687.371
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(175.647.523)
Cộng	11.119.039.848

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.385.726.412	-	19.412.681.232	-
Công cụ, dụng cụ	32.437.967	-	31.982.841	-
Chi phí SXKD dở dang	215.937.862	-	165.345.682	-
Thành phẩm	40.867.859.418	-	27.353.991.868	-
Hàng hóa	1.763.789.137	-	1.766.212.953	-
Hàng gửi bán	15.473.839.241	-	14.440.812.239	-
Cộng	85.739.590.037	-	63.171.026.815	-

7. Chi phí trả ngược ngắn hạn, dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật tư phụ tùng xuất dùng	1.689.781.897	2.230.677.403
Chi phí bảo hiểm	105.389.018	67.834.942
Chi phí sửa chữa	168.139.819	106.319.039
Chi phí thuê văn phòng	108.480.000	103.320.000
Chi phí cấp mẫu	-	148.197.042
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	25.580.042	114.455.049
Cộng	2.097.370.776	2.770.803.475

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật tư phụ tùng xuất dùng	4.570.863.956	2.899.722.936
Chi phí sửa chữa	215.192.855	371.708.388
Chi phí cấp mẫu	922.065.327	182.291.016
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	97.316.841
Cộng	5.708.122.134	3.551.039.181

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	33.467.945.533	173.430.459.065	15.073.076.393	187.550.000	222.159.030.991
Mua trong năm	-	-	1.603.869.273	-	1.603.869.273
XDCB dở dang	-	15.532.643.693	-	-	15.532.643.693
Số cuối năm	33.467.945.533	188.963.102.758	16.676.945.666	187.550.000	239.295.543.957
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	28.050.382.707	152.634.357.174	12.626.553.616	48.959.722	193.360.253.219
Khấu hao trong năm	821.641.953	6.294.978.700	632.667.051	47.516.667	7.796.804.371
Số cuối năm	28.872.024.660	158.929.335.874	13.259.220.667	96.476.389	201.157.057.590
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.417.562.826	20.796.101.891	2.446.522.777	138.590.278	28.798.777.772
Số cuối năm	4.595.920.873	30.033.766.884	3.417.724.999	91.073.611	38.138.486.367

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 181.377.340.179 đồng.

Nguyên giá tài sản đang được sử dụng để thế chấp các khoản vay là: 210.053.171.342 đồng, giá trị còn lại của tài sản dùng để thế chấp là: 34.417.779.420 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	59.034.314	2.000.000.000	149.920.952	2.208.955.266
Mua trong năm	-	-	201.150.000	201.150.000
Số cuối năm	59.034.314	2.000.000.000	351.070.952	2.410.105.266
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	59.034.314	2.000.000.000	149.920.952	2.208.955.266
Khấu hao trong năm	-	-	16.762.500	16.762.500
Số cuối năm	59.034.314	2.000.000.000	166.683.452	2.225.717.766
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	184.387.500	184.387.500

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	376.674.739	15.155.968.954	15.532.643.693	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	81.556.774	-	81.556.774	-
- Nhà để máy in KTS	-	28.978.774	-	28.978.774	-
- Máy nghiền xi măng	-	52.578.000	-	52.578.000	-
Sửa chữa lớn tài sản	81.507.679	5.218.548.489	-	5.231.337.400	68.718.768
- Phần xi măng gạch lát	81.507.679	3.020.485.045	-	3.080.222.724	21.770.000
- Phần xi măng gạch ốp	-	1.321.305.421	-	1.304.575.421	16.730.000
- Phần xi măng khí than	-	591.303.152	-	561.084.384	30.218.768
- Tổ xe phục vụ sản xuất	-	285.454.871	-	285.454.871	-
Cộng	458.182.418	20.456.074.217	15.532.643.693	5.312.894.174	68.718.768

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan</i>	9.717.763.935	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Khai thác khoáng sản Vũ Bình	9.717.763.935	-
<i>Phải trả ngắn hạn các nhà cung cấp khác</i>	4.607.017.938	5.923.726.040
Công ty TNHH Thiên Kế	682.329.425	-
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Vinatop	509.834.763	-
Công ty TNHH Fritta Việt Nam	509.384.161	96.074.550
Công ty TNHH Bách Diễm	349.536.000	133.920.000
Công ty TNHH Kinh doanh Frit Thừa Thiên Huế	-	744.516.300
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Vạn Thuận Vĩnh Phúc	-	727.464.640
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tân Hoàng Ngô	-	339.093.000
Các đối tượng khác	2.555.933.589	3.882.657.550
Cộng	14.324.781.873	5.923.726.040

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Khánh Minh	40.671.691	-
Cửa Hàng VLXD Phúc Thọ	35.215.233	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	17.508.103	17.508.103
Các khách hàng khác	108.012.661	67.488.211
Cộng	201.407.688	84.996.314

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

13a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT đầu ra	829.246.095	3.488.789.840	3.261.270.829	1.056.765.106
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.392.604.565	1.392.604.565	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	124.344.994	124.344.994	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.714.739.542	537.126.811	2.334.917.563	916.948.790
Thuế thu nhập cá nhân	-	83.438.262	83.438.262	-
Thuế tài nguyên	631.600	8.937.200	8.962.800	606.000
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	3.544.617.237	5.644.748.601	7.215.045.942	1.974.319.896

13b. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	4.714.651	4.714.651	-	-
Các loại thuế khác	-	-	1.000.000	1.000.000
Cộng	4.714.651	4.714.651	1.000.000	1.000.000

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	87.889.200	55.334.124
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	375.210.599	191.341.019
Cộng	<u>463.099.799</u>	<u>246.675.143</u>

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn, dài hạn khác

15a. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	504.664.908	330.783.308
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	-	41.083.075
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	413.720.000	414.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	406.957.350	498.098.850
Cộng	<u>1.325.342.258</u>	<u>1.283.965.233</u>

15a. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	171.000.000	126.000.000
Cộng	<u>171.000.000</u>	<u>126.000.000</u>

16. Vay và các khoản nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
16a. Vay ngắn hạn	54.269.301.310	54.269.301.310	166.509.789.780	144.175.779.021	76.603.312.069	76.603.312.069
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>52.731.301.310</i>	<i>52.731.301.310</i>	<i>164.203.629.780</i>	<i>142.637.779.021</i>	<i>74.297.152.069</i>	<i>74.297.152.069</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (i)	37.682.051.780	37.682.051.780	108.072.853.210	86.657.889.949	58.328.855.041	58.328.855.041
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN KCN Hòa Khánh (ii)	1.091.881.730	1.091.881.730	22.953.331.062	23.050.831.102	994.381.690	994.381.690
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Đà Nẵng (iii)	13.957.367.800	13.957.367.800	33.177.445.508	32.160.897.970	14.973.915.338	14.973.915.338
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.538.000.000</i>	<i>1.538.000.000</i>	<i>2.306.160.000</i>	<i>1.538.000.000</i>	<i>2.306.160.000</i>	<i>2.306.160.000</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Đà Nẵng	1.538.000.000	1.538.000.000	2.306.160.000	1.538.000.000	2.306.160.000	2.306.160.000
16b. Vay dài hạn	2.818.351.720	2.818.351.720	6.038.764.630	3.225.780.000	5.631.336.350	5.631.336.350
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (iv)	2.818.351.720	2.818.351.720	6.038.764.630	3.225.780.000	5.631.336.350	5.631.336.350

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng số 01 ngày 19/06/2017 sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 15/2017/VCB-KHDN ngày 19/01/2017 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ cụ thể và có định trong suốt thời gian vay; Hạn mức cho vay theo hợp đồng sửa đổi bổ sung là: 60.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 9 tháng kể từ ngày rút vốn vay trên giấy nhận nợ; Đảm bảo khoản vay theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2010/VCB-ĐN ngày 04/05/2010, số 07/NHNT-ĐN

ngày 25/03/2005, số 18/2012/VCB-ĐN ngày 14/02/2012, số 141/2014/VCB-ĐN ngày 29/07/2014, số 39/2017/VCB-ĐN ngày 19/06/2017, số 40/2017/VCB-ĐN ngày 19/06/2017.

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN KCN Hòa Khánh theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2013-LAV-201600712 ngày 27/08/2016 được gia hạn theo Giấy đề nghị gia hạn hạn mức tín dụng ngày 14/11/2017, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cấp tín dụng là 3.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay, kỳ hạn nợ cụ thể hai bên thỏa thuận và ghi trong giấy nhận nợ theo từng lần nhận nợ; Lãi suất theo từng lần nhận nợ cụ thể; Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 164-2014/HĐTC ký ngày 12 tháng 8 năm 2014.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 480/2017/HĐTD ngày 27/04/2017. Cho vay thường xuyên với mức dư nợ tối đa 15.000.000.000 đồng; Thời hạn vay tối đa 9 tháng kể từ ngày tiếp theo sau ngày giải ngân; Lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động; Thế chấp tài sản theo các hợp đồng thế chấp số 524/2013/HĐTC-01 ngày 18/12/2013 và phụ lục số 01 ngày 26/12/2014, Hợp đồng số 524/2013/HĐTC-02 ngày 18/12/2013 kèm phụ lục 01 ngày 26/12/2014 và số 229/2016/HĐTC, Hợp đồng số 524/2013/HĐTC-03 ngày 18/12/2013 và phụ lục số 01 ngày 26/12/2014, Hợp đồng số 658/2014/HĐTC ngày 26/12/2014.
- (iv) Khoản vay dài hạn theo các Hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng vay số 154/2012/VCB-KHDN ngày 04/06/2012. Thời hạn vay là 60 tháng nhằm mục đích thanh toán chi phí mua sắm, lắp đặt máy ép thủy lực phục vụ hoạt động sản xuất; Lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng chính các tài sản hình thành từ khoản vay.
 - Hợp đồng vay số 439/2014/VCB-KHDN ngày 27/11/2014. Khoản vay được đảm bảo bằng chính các tài sản hình thành từ khoản vay.
 - Hợp đồng vay số 156/2016/VCB-KHDN ngày 01/12/2016. Thời hạn vay là 60 tháng nhằm mục đích đầu tư 02 máy in kỹ thuật số tại phân xưởng gạch lát; Lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng chính các tài sản hình thành từ khoản vay.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	84.355.380	-	(42.000.000)	42.355.380
Cộng	84.355.380	-	(42.000.000)	42.355.380

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	65.000.000.000	105.855.380	1.050.149.799	66.156.005.179
Lợi nhuận năm trước	-	-	2.581.262.120	2.581.262.120
Giảm khác	-	-	(6.679.998.048)	(6.679.998.048)
Số dư cuối năm trước	65.000.000.000	105.855.380	(3.048.586.129)	62.057.269.251
Số dư đầu năm nay	65.000.000.000	105.855.380	(3.048.586.129)	62.057.269.251
Lợi nhuận năm nay	-	-	472.300.941	472.300.941
Số dư cuối năm nay	65.000.000.000	105.855.380	(2.576.285.188)	62.529.570.192

11/2/2018 10:23 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Miền Trung - Công ty Cổ phần	17.804.930.000	17.804.930.000
Ông Vũ Tuấn Bình	14.298.100.000	-
Bà Nguyễn Lê Quỳnh	13.998.130.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	5.499.260.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ	3.109.580.000	-
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Mua bán nợ Việt Nam	-	36.905.070.000
Các cổ đông khác	7.290.000.000	7.290.000.000
Cộng	<u>65.000.000.000</u>	<u>65.000.000.000</u>

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.500.000	6.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.500.000	6.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.500.000	6.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.500.000	6.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.500.000	6.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu

19. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Loại ngoại tệ	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
USD	3.371,03	3.495,68

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán gạch men	209.044.703.392	225.036.006.333
Doanh thu khác	1.404.659.443	1.776.239.519
Cộng	<u>210.449.362.835</u>	<u>226.812.245.852</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	80.021.997	606.610.032
Cộng	<u>80.021.997</u>	<u>606.610.032</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán gạch men	163.724.852.781	176.914.733.806
Giá vốn hàng hóa khác	1.486.306.912	1.506.679.962
Cộng	<u>165.211.159.693</u>	<u>178.421.413.768</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	17.721.267	51.939.485
Cộng	17.721.267	51.939.485

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5.836.989.624	4.386.096.919
Lỗ chênh lệch tỷ giá	46.994.661	45.867.718
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(606.331.378)
Lỗ thanh lý khoản đầu tư	-	570.000.000
Cộng	5.883.984.285	4.395.633.259

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.940.069.560	12.125.338.164
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	324.500.201	202.957.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	555.874.632	456.232.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.865.829.771	1.707.737.836
Các chi phí khác	10.459.350.114	9.868.483.323
Cộng	24.145.624.278	24.360.749.534

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.761.979.630	6.510.349.283
Chi phí đồ dùng văn phòng	746.551.361	761.800.436
Chi phí khấu hao tài sản cố định	443.573.144	278.479.492
Chi phí dự phòng	(83.791.528)	(45.649.372)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.403.226.879	1.501.337.223
Các chi phí khác	3.771.364.640	2.253.234.656
Cộng	14.042.904.126	11.259.551.718

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhận hỗ trợ từ Sở Khoa học Công nghệ thành phố Đà Nẵng	-	33.000.000
Cộng	-	33.000.000

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi tiền phạt thuế, chậm nộp thuế, truy thu thuế	93.164.985	111.220.658
Truy thu tiền sử dụng đất và tiền phạt chậm nộp	-	2.825.426.685
Chi phí khác	796.986	400.000
Cộng	93.961.971	2.937.047.343

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.009.427.752	4.916.179.683
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.676.206.301	6.758.408.134
<i>Khấu hao tài sản cố định vượt khung khấu hao theo quy định.</i>	1.231.300.318	3.134.606.150
<i>Phạt chậm nộp và truy thu thuế, BHXH</i>	93.864.985	2.943.934.568
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	351.040.998	679.867.416
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	2.685.634.053	11.674.587.817
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>537.126.811</u>	<u>2.334.917.563</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu	126.310.549.941	132.604.021.138
Chi phí nhân công	39.174.652.015	41.259.230.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.813.566.871	7.232.722.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.877.579.204	21.509.411.113
Các chi phí bằng tiền khác	22.039.943.288	21.589.214.107
Cộng	<u>212.216.291.319</u>	<u>224.194.599.458</u>

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	472.300.941	2.581.262.120
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	472.300.941	2.581.262.120
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.500.000	6.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>73</u>	<u>397</u>
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	73	397

11/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN COSEVCO**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về bên liên quan**2a. Các bên liên quan****Bên liên quan**

Tổng Công ty Miền Trung – Công ty Cổ phần

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Khai thác khoáng sản Vũ Bình

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Công ty cùng Chủ tịch HĐQT

2b. Giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Khai thác khoáng sản Vũ Bình

Mua hàng

Thanh toán tiền hàng

Năm nay

35.784.013.558

26.066.249.623

Năm trước

-

-

2c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Năm nay

1.736.906.072

1.736.906.072

Năm trước

1.290.296.669

1.290.296.669

Thu nhập của Hội đồng quản trị,

Ban Tổng Giám đốc

Cộng

2d. Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.

3. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế xã hội. Do đó, không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được trình bày.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Võ Thị Minh Tâm

Kế toán trưởng

Trương Thị Phú

Tổng Giám đốc



Trần Việt Hạ

